

## NHỚ TẾT QUÊ NHÀ

---

Quê tôi ở ngoại ô Thành phố Đà Nẵng, cách thành phố này chừng 15km về phía Tây Nam. Tôi sinh ra và lớn lên ở đây cho đến năm 10 tuổi.

Có lẽ tôi là đứa trẻ không thông minh, nhưng có trí nhớ tốt. Mỗi lần tôi nói tôi có thể nhớ những lúc nằm trong nôi, lúc được mẹ tôi cho bú và thậm chí có thể nhớ lùi lại xa hơn nữa, hầu hết ai nghe cũng phì cười. Để họ tin, tôi kể vanh vách những sự việc xảy ra có liên quan đến họ lúc tôi còn rất nhỏ, nhưng họ càng cười thêm, cười thành tiếng. Rất tiếc, họ không nhớ những sự kiện đó nên không kiểm chứng được. Chỉ có 1 người tin tôi. Đó là mẹ tôi và bà cũng bị người khác cười là “khoe con”. Những chuyện tôi kể sau đây thường xảy ra vào dịp Tết, thời điểm mà trẻ con hay nhớ. Dĩ nhiên 1 đứa trẻ chưa sạch cứt mũi như tôi chỉ biết nhớ, chứ không nghĩ sâu xa hơn. Chỉ mãi đến sau này khi trưởng thành tôi mới nghĩ sâu xa hơn do tôi tìm hiểu và do mẹ tôi kể lại.

Bác họ tôi, gọi bà nội tôi bằng cô ruột, là người thân với tôi nhất trong số bà con. Bác tôi con nhà nghèo từ Huế vào nương nhờ gia đình ông bà nội tôi. Bà nội tôi giao trách nhiệm trông coi tôi cho ông ấy. Tôi có dịp đi theo bác tôi “phá làng phá xóm”. Tôi nói vậy vì bác tôi rất nghịch ngợm. Không có “game” nào ông ấy không chơi được: Bẫy chim, câu cá, giả ma chọi đá vào nhà hàng xóm, và ngay cả dê gái dù hồi ấy ông chỉ mới 17 tuổi.

Nơi bác tôi và tôi thường lui tới là ngôi đình làng cách nhà tôi chừng 3 phút đi bộ, nằm cạnh con đường cái quan. Ngôi đình này là ấn tượng sâu đậm nhất trong đời tôi. Nó cùng tôi chứng kiến biết bao nhiêu biến cố xảy ra dồn dập qua nhiều chế độ nối tiếp nhau. Lần tới đình làng sớm nhất mà tôi còn nhớ là lần tôi lẻo đẻo theo bác tôi đi trên con đường nhỏ, ra con đường lớn, cả 2 con đường đều có cắm cờ đuôi nheo màu xanh đỏ vàng, để tới đình làng vào ngày mùng 2 Tết năm Ất Dậu 1945, cái Tết phong kiến cuối cùng.

Cho đến nay tôi còn nhớ rõ cảnh sinh hoạt lúc ấy. Trên chiếc sập gụ có lót chiếu hoa kê ngay trước bàn thờ là mấy ông có vai vế khăn đen áo dài đang ngồi chung quanh mâm rượu thịt, bánh mứt... Nơi này gọi là “Chiếu trên”. Trước sân đình có lót chiếu loại thường bày 3 món duy nhất: Xôi, thịt, rượu trắng. Chung quanh đó dân làng, kẻ đứng người ngồi chòm hóm, để chuẩn bị vào tiệc. Ông Ngụ, người mỗ làng đang bung 1 cái mâm, theo sau là anh con trai chừng 10 tuổi, đầu cạo trọc lóc, tay cầm chai rượu trắng và phong pháo đỏ. Tôi đang chăm chăm nhìn phong pháo thì nghe có nhiều tiếng lào xào, rồi thấy ông nội tôi đang đi vào đình, tay cầm cái ba-tong. Mọi người cung kính chào ông tôi. Ông tôi gật đầu rồi ngồi vào “Chiếu trên”, ngay trước cái mâm có đầu heo. Ông tôi là người có vai vế nhất ở đây, ông tiên chỉ của làng.

Tôi định chạy vào chỗ ông tôi ngồi thì nghe có tiếng leng keng. Tôi nhìn ra đường. Một người đang cỡi ngựa đi ngang qua. Ông ta đội nón có quai đỏ, mặc áo dài đen, quần trắng. Ông ta xuống ngựa, cột ngựa vào một gốc cây nhỏ, rồi đề huề đi vào đình. Trừ ông tôi, các người đang ngồi vội vàng đứng dậy vái chào, trong khi ông ta lại cúi đầu chào ông tôi. Đối với tôi, ở đây không có ai oai bằng ông ta, nhưng ông ta lại có thái độ cung kính trước ông tôi. Điều này làm tôi vừa ngạc nhiên vừa hãnh diện. Đó là ông Chánh Tổng, dưới ông Huyện, nhưng trên ông Lý Trưởng. Một Tổng thường có 5, 6 làng (thôn), tương đương với xã sau này.

Ông Ngụ cùng anh con trai tên Cúi bung thêm rượu thịt đến “Chiếu trên”. Dáng người ông Ngụ nhỏ thó, lưng khòm. Đi ngang trước mặt ai ông cũng cúi thấp người nên lúc trông ông như một con vật hiền lành gì đó đang di chuyển. Anh con trai lưng chưa khòm, nhưng khi bung mâm cỗ theo sau bố, đầu anh ta cũng cúi thấp. Ông cùng vợ từ đầu xiêu lạc đến làng này khi dân làng từ Thanh Hóa đã di cư đến đây vào thời Hậu Lê. Ông được cất đặt làm anh mõ làng, một “giới chức” thấp nhất trong làng, nên kiêm luôn cả việc làm đầy tớ cho cả làng. Trong những lần cúng tế, mọi người ăn uống xong rồi ông mới ăn. Nhưng ông lại có mâm ăn riêng, nhiều hơn người khác.

Trên đây là những hình ảnh đậm nét ghi vào tâm trí tôi. Có lẽ trong suốt cuộc đời tôi chưa bao giờ thấy hình ảnh nào đẹp như vậy, đẹp như một giấc mơ, nghĩa là không có thật, làm tôi lúc cũng nghi ngờ trí nhớ của mình mà tôi rất tự hào. Có lần sau một cơn bệnh năm 15 tuổi, tôi tưởng những gì tôi nhớ chỉ là một giấc mơ. Tôi bán tin bán nghi thì bỗng nhớ ra một việc. Vùng tôi có ông Tây gốc Đức, nghe nói đào ngũ, lấy vợ Việt. Cứ mỗi năm sau Tết vào ngày Xuân phân, 20 hay 21 Tháng 3, ông Tây tổ chức tiệc sinh nhật vào lúc 5 chiều và năm nào cũng mời ông tôi. Có lần ông tôi cùng tôi đến nhà ông Tây dự tiệc. Trên con đường ngang qua đám ruộng Tiên chỉ, ông tôi đứng đợi cho bóng của đỉnh núi Chúa rất cao cách làng tôi không xa về phía tây, ngả đúng vào tấm bia đá nhỏ ghi 2 chữ Hán “Tiên chỉ” xây trên thửa ruộng, rồi mới đi. Ông tôi nói năm nào ông cũng làm như vậy. Vào ngày Xuân phân năm 1958 tôi đã lên làng và đợi bên hòn đá Tiên chỉ. Chừng 15 phút sau tôi thấy bóng đỉnh núi in đúng vào hòn đá Tiên chỉ. Sau này ba tôi đã khuôn hòn đá Tiên chỉ về Đà Nẵng để trong nhà thờ. Tôi đã không nằm mơ.

\*\*\*\*\*

Sau Tết Ất Dậu 1945 dân làng tôi thường hay tụ tập tại đình, không phải để nói chuyện cúng tế, họ hàng, làm ăn... như trước, mà nói về thời sự, về chiến tranh. Hồi ấy tôi không có khái niệm nào về những việc này nhưng tôi thường nghe dân làng nói về người Nhật một cách ái mộ, có lẽ vì ghét Tây. Trong vùng có một bài về gọi là “Về Trái Đất” có mấy câu sau đây:

*... Nhật Bốn văn minh  
Đánh Nga, Nga kinh  
Đánh Tàu, Tàu chạy*

*Đánh luôn một dãy  
Lữ Thuận, Đài Loan...*

Ba tôi là người đứng đầu của một tổ chức thanh niên trong làng. Ông rất hăng hái. Ông bỏ tiền túi ra mua sắm đồng phục, mũ nón, phù hiệu cho thành viên. Có khi ông tổ chức những cuộc tranh tài thể thao như bóng chuyền, chạy đua, đánh vật... Trong thời kỳ này có nạn đói ngoài Bắc. Những đoàn xe lửa xuôi nam chở đầy người. Rất nhiều người chết trên tàu bị vất bỏ xuống đường. Làng nào cũng sợ trách nhiệm chôn cất, nên kéo xác bỏ qua làng khác chỉ cách có một con đường nhỏ. Sáng sớm hôm sau, những người dân thức dậy sớm đi làm ruộng, bỗng thấy có xác chết ở làng mình, hô hoán lên: “Ma bay! Ma bay!” Cho đến bây giờ tôi vẫn còn như nghe hai tiếng ấy. Hai tiếng ấy đã đánh dấu một thời kỳ điêu linh.

Vậy rồi có tin Nhật đầu hàng. Một anh Nhật, hình như sĩ quan trợ y, không chịu xuống tàu về nước, mang một cái túi lớn từ một đôn bót gần sân bay lang thang đến tận làng tôi. Chỉ có mình anh ta, lại thuộc phe thua trận, vậy mà ai cũng sợ. Họ đồn anh ta “chích kim từ trên đỉnh đầu”. Người Nhật này từ bỏ quê hương ở lại Việt Nam, lấy vợ Việt Nam, sinh con đẻ cái. Gia đình ông ở đường Phan Châu Trinh Đà Nẵng. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 ông lại bỏ Việt Nam trở về Nhật, đem theo vợ con, con rể và cháu. Nghe nói hiện nay ông có một người cháu làm Sĩ quan Cảnh sát Nhật (?)

Mấy tháng sau dân làng nói nhiều về Hồ Chí Minh. Có người nói Hồ Chí Minh chính là ông Cường Để, có người nói Hồ Chí Minh là ông Nguyễn Hải Thần. Dù ông ta là ai nhưng hồi đó đa số dân làng đều tôn sùng Hồ Chí Minh.

Ba tôi lên làm chủ tịch huyện. Ông luôn luôn vắng nhà. Mỗi lần ông về địa phương lại tổ chức những buổi nói chuyện, ca kịch, thể thao... Ông ăn mặc chỉnh tề, trên túi áo phải của ông có gắn miếng vải đỏ với ngôi sao vàng và 2 chữ “Chủ tịch”. Ông nội tôi bất bình về việc này cũng như bất bình về phong trào Việt Minh và tất cả những gì có liên quan đến nó. Không hiểu vì ông nội tôi hay vì lý do gì khác, ba tôi thôi làm chủ tịch sau đó mấy tháng. Ông trở về nhà chăm sóc ruộng nương, vườn tược, câu cá, bẫy chim...

Những người có vai vế trong làng thường hay tụ tập tại nhà ông tôi. Họ tới để nói chuyện thời thế, nói những cái âm ức trong lòng. Bây giờ họ cảm thấy họ lỗi thời, nói không ai nghe, trái lại lắm lúc phải nghe “những thứ không ra gì”. Từ bao lâu rồi, đời này qua đời nọ, ai cũng trọng người chữ nghĩa, người có vai có vế trong làng, nay tự nhiên “những thứ không ra gì” suốt ngày hội họp chỉ về họ phải thế này thế nọ. Ngay cả ông Ngụ, bây giờ cũng đi thẳng lưng, không còn cúi đầu trước mặt họ như xưa. Ông ở trong Ban Thông tin. Còn anh con trai ông ta, đã mặc đồ Tây, đội chào mào (tức mũ calot theo tiếng Pháp), suốt ngày đi họp với trai gái trong làng, nói chuyện bằng những từ lạ lẫm mà có thể anh ta cũng không hiểu.

Mấy năm sau đó, nghĩa là vào khoảng 1947, trong làng xảy ra nhiều chuyện ghê rợn. Ông Chánh Lâu bị hai người lực lưỡng mang mã tấu vào nhà mời lên Ủy Ban có việc cần. Hồi đó Việt Minh làm việc đêm hôm là chuyện thường vì sợ đồn bót Tây ở gần đó. Ông Chánh Lâu nói:

– Máy anh đợi tui thay đồ.

Một người trả lời:

– Khởi, ông chỉ cần đem theo cái xeng.

Ông chưa kịp phản ứng hai người đã lôi ông đi, kéo lê ông ra ngõ. Bà Chánh đang ôm nặng, chỉ ú ớ vài tiếng rồi ngất đi. Hàng xóm không ai biết gì, nhà gần nhất xa cả nửa cây số. Hôm sau có người lên báo cho bà Chánh biết, ông Chánh bị chém tại một cồn cát. Ông phải tự đào huyệt chôn mình. Nghe nói ông đào huyệt rất kỹ vì sợ chân tay lòi ra ngoài. Ông Chánh là người thường xuyên đến nhà ông tôi nói chuyện “phản động”. Chuyện “phản động” của ông ta không có gì sâu sắc, khó hiểu, chỉ là những tiếng chửi, những câu chuyện tiêu lâm về Việt Minh, những tiếng nói lái như “Hồ Chí Minh là Hình Chí Mô”, “Chính phủ là chú phình”, “Kháng chiến là khiến chán”... Sau đó đến ông Phó Dinh, rồi đến vài ông khác, phần nhiều là những ông hay lui tới nhà ông tôi và những ông ngồi ở “Chiếu trên”.

Đó là một cách bịt miệng, một cách khủng bố, răn đe để không ai dám chống lại, dù chống bằng mồm. Cách bắt người cho đi mò tôm, ăn cát là cách nửa kín nửa hở. Dao phủ thủ không cần bịt mặt như IS hiện nay. Quan tòa, công an là ai không ai biết. Có thể là những người trong “những thứ không ra gì” báo cáo lên trên rồi thi hành luôn. Những người này có thể muốn lập công, lấy điểm hay vì thù oán, vì muốn cướp vợ người khác, hay có “bệnh thích giết người”.

Tôi không bao giờ nghĩ ông tôi sẽ có chung số phận với những người tôi vừa kể trên, vì tôi nghĩ đến ngôi sao đỏ và hai chữ chủ tịch ba tôi từng đeo trên túi áo. Nhưng tôi cảm thấy mọi người trong gia đình lại đang lo sợ cho ông tôi. Ai cũng thăm thì về chuyện này. Ba tôi còn bàn tính đem ông tôi ra thành phố, nơi thuộc vùng Pháp. Hồi đó tôi chỉ biết đó là vùng Pháp, không có một khái niệm gì về chính thể quốc gia của vua Bảo Đại. Vừa lúc đó cậu tôi, một cán bộ Việt Minh, từ Khu Tư (Bình Trị Thiên) đi công tác vào vùng tôi. Ông đem theo chị Chanh, người chị họ của tôi. Hai người đi vào bằng đường núi. Theo lời mẹ tôi nói, ông nội tôi có ơn nghĩa rất nhiều với cha chị Chanh nên cha chị Chanh muốn cho chị Chanh vào đền ơn đáp nghĩa với tính cách như người giúp việc. Quê chị Chanh có câu “Mang ơn phải trả ơn. Trả ơn để người mang ơn mình lại trả”. Cha chị Chanh áp dụng triệt để câu châm ngôn này. Chị Chanh là đứa con chí hiếu nên nghe lời cha. Cả nhà rất mừng khi gặp cậu. Điều cả nhà quan tâm muốn hỏi cậu tôi là về sự an nguy của ông nội tôi. Nghe hỏi, cậu tôi chỉ trả lời một câu ngắn gọn:

– Vô cùng khó khăn.

Chị Chanh năm đó 18 tuổi. Tuy còn nhỏ tôi cũng cảm nhận được chị là một thiếu nữ rất đẹp. Chị có mái tóc dài, đầu tóc phồng, một phụ nữ thời ấy, và nước da trắng. Mẹ tôi rất mừng có chị ở trong nhà. Bà tôi tuổi cao, bệnh hoạn nên có phần khó khăn với chị Chanh. Ông nội tôi và ba tôi là những người có đầu óc cởi mở nên cũng đối xử tử tế với chị. Riêng tôi, rất vui thích có chị ở trong nhà khi ông bác họ chịu chơi của tôi đã gia nhập bộ đội và mất tích. Chỉ có thím tôi, một bà góa, là người rất “dị ứng” với chị Chanh. Tôi không hiểu sao thím có thể ghét một người như chị Chanh được.

Đi đâu chị Chanh cũng bảo tôi đi theo vì chị sợ ma, ngay cả khi đi tắm giếng ở một góc vườn. Có lần chị quên mang quần áo thay, nhờ tôi vào nhà lấy ra cho chị. Chị cứ tồng ngồng như vậy thay áo quần trước mặt tôi. Thím tôi biết chuyện này, mắng chị Chanh như tát nước vào mặt, rồi nói với mẹ tôi:

– Sao chị để thằng Tùng với con Chanh như rứa. Nam nữ thọ thọ bất tương thân, mà còn để con Chanh tụt quần trước mặt thằng Tùng. Coi chừng con ni có bệnh... dâm.

Mẹ tôi đỏ mặt la lên:

– Thím có điên không? Thím mới có bệnh.

Mẹ tôi và thím đã giận nhau suốt một tuần vì chuyện này.

Chị Chanh mới vào ở nhà tôi có mấy ngày mà hết anh trai làng này đến anh trai làng nọ giả bộ đến thăm cậu tôi để nhìn chị, trong số này có những người thuộc tầng lớp có vai có vế mới. Có cả người quyền thế nhất trong làng. Người quyền thế này không ai khác hơn là anh Cúi, con trai ông Ngụ. Bây giờ anh làm chức gì như Trưởng Công an xã kiêm trình sát (?) Thật khó tưởng tượng trước đây anh Cúi từng bung mâm xôi thịt theo sau cha của anh và lúc nào cũng cúi đầu. Bây giờ đầu tóc anh Cúi hót gọn gàng, phết dầu brillantine bóng loáng. Anh mặc quần Tây, áo sơ mi bỏ ra ngoài quần, cộm cộm khẩu súng lục bên trong. Anh hút thuốc lá Cotab, kẹp thuốc bằng hai ngón tay trở và giữa, chứ không “cầm” thuốc bằng ngón cái và ngón trở như cha anh. Anh là người đến “thăm” cậu tôi nhiều nhất. Hình như cậu tôi không ưa anh Cúi nhưng vì một lý do gì đó vẫn gượng cười gượng nói với anh ta. Tôi hỏi mẹ tôi:

– Cậu sợ anh Cúi hả mẹ?

– Cậu mà sợ thằng Cúi. Cậu là cấp trên của thằng Cúi.

Mẹ nói đến đây thì thở dài:

– Nhưng cậu sợ cho ông nên phải thân thiện với nó.

Mấy tháng trước Tết Mậu Tý, 1948, thêm vài ông “Chiếu trên” bị bắt, không bị bắt ban đêm, nhưng bị mời lên ủy ban rồi biệt tích luôn. Vài ông “Chiếu trên” nữa như ông Chánh tổng cũng biệt tích nhưng biệt tích ra thành phố, nghĩa là theo Pháp. Vài ông ghét Pháp nhưng ở thế bí như ông Lân Cu Dê Đê cũng phải theo Pháp. Hồi đó Việt Minh gọi Quốc Dân Đảng là Cu Dê Đê (QDD).

Không phải chỉ có anh Cúi mê mệt chị Chanh mà còn một anh Việt Minh nữa. Đó là anh Đại đội trưởng một Đại đội võ trang địa phương, có tên là Đại đội 10. Gần như ai thuộc Đại đội 10 cũng bịt răng vàng nên dân trong vùng có câu “Đại đội 10 cười ra lửa”. Riêng anh Đại đội trưởng, ngoài răng vàng ra, trên người anh ta là cả một hiệu tạp hóa: Hai ba cây bút máy nơi túi áo, đồng hồ, nhẫn vàng, kính đeo mắt, đèn pin... Hai anh này đến thăm cậu tôi, có khi đi riêng lẻ, có khi tình cờ cùng đến một lần. Sau này cậu tôi về Khu Tư, hai anh vẫn đến. Không hẹn nhau mà anh nào cũng nói về phong trào “Mẹ chị chiến sĩ”. Anh Đại đội trưởng đề nghị mẹ tôi làm mẹ chiến sĩ, còn chị Chanh là chị chiến sĩ dù chị nhỏ hơn anh ta ít nhất cũng 5 tuổi. Không biết hội này hoạt động ra sao mà dân trong vùng có câu ca dao:

*“Canh bầu dễ nấu khó nêm  
Ban ngày gọi mẹ ban đêm kêu mình.”*

Mấy tháng sau chị Chanh và anh Cúi rất thân nhau, nhưng không bao giờ đi chung với nhau nếu không có tôi đi cùng. Cả nhà tôi, nhất là thím tôi, cho việc này là việc xấu hổ. Chị Chanh vẫn tăng lờ, càng ngày càng thân với anh Cúi hơn. Một hôm bà tôi gọi chị vào phòng, mắng chửi thậm tệ. Chị Chanh chỉ im lặng. Ai cũng cho chị là loại mặt dày. Một buổi chiều anh Cúi đem đến cho tôi món quà mà tôi rất thích: Cái ná cao su gọng nhôm, chứ không phải cái ná gọng bằng cành ổi như ông bác họ tôi từng làm cho tôi. Tôi vừa sung sướng vừa lo sợ. Tôi mơ hồ cảm thấy như anh sắp nhờ tôi một việc quan trọng. Quả nhiên anh rủ tôi và chị Chanh đi xem diễn kịch ở đình làng nhân dịp Tết. Anh Cúi bảo tôi xin ba mẹ tôi cho tôi và chị Chanh đi xem.

Đình làng chỉ cách nhà tôi chưa đầy 1km, nhưng ba mẹ tôi khó cho tôi đi đêm như vậy trong thời buổi loạn lạc này dù có chị Chanh cùng đi. Nghe tôi xin, mẹ tôi lắc đầu, nhưng ba tôi thì cho. Tôi mừng quá bảo chị Chanh sửa soạn đi cho nhanh. Chị im lặng trừ trừ nhưng rồi cũng cùng tôi bước ra cổng. Hôm ấy ban văn nghệ đang diễn một vở kịch thơ gì đó mà tôi không nhớ. Tôi ngồi phía trước cùng đám thiếu nhi, còn chị Chanh đứng đầu đó phía sau. Khi buổi diễn kịch kết thúc, tôi ra tìm chị Chanh, không thấy chị đâu cả. Tôi nán lại đợi chừng 3 phút mới thấy chị từ phía cánh đồng đi đến. Tôi hỏi:

- Chị đi mô lâu rứa?
- Chị đau bụng quá, phải đi đồng.

Chị Chanh trả lời, mắt nhìn lơ nơi khác.

Tôi đi sát cạnh chị, ngửi thấy mùi hoa lá thơm hăng hắc từ người chị phát ra. Tôi dang ra xa nhìn lưng chị, thấy có nhiều cánh hoa xen lẫn cỏ dính trên lưng. Tôi lấy tay phủi lưng chị. Chị ngồi xuống ôm tôi khóc:

– Chị chết mắt em ơi!

– Răng chị nói rứa?

– Anh Cúi...

– ...Làm chi chị rứa?

– Không có chi cả. Tại chị nữa.

Chúng tôi im lặng về nhà. Mọi người đều đi ngủ.

Một buổi chiều chị Chanh đi đâu về, mặt tái như chàm, vào phòng ba mẹ tôi thì thầm với ba mẹ tôi. Ba tôi vội lên nhà trên nói với ông tôi. Đêm hôm đó tôi thức dậy nhìn đồng hồ thấy hơn 3 giờ. Một lát sau ông tôi xuống chỗ tôi đang ngủ. Tôi lạ lùng nhìn ông. Ông vốn không để râu, nhưng chưa đầy một đêm râu ông mọc ra dài che cả cổ. Thường ngày ông không quần khăn trên đầu, mà lúc bảy giờ lại quần. Áo quần cũng khác thường ngày. Ông ôm hôn tôi rồi ra chuồng trâu dắt trâu đi. Tôi càng lúc càng lạ lùng. Có bao giờ ông đưng đến con trâu đâu. Đó là công việc của chú Cận, người giúp việc đồng áng cho gia đình. Tôi thấy có điều gì bất thường, muốn ngủ lại mà ngủ không được. Chừng nửa giờ sau tôi nghe có ba, bốn tiếng súng nổ từ phía cánh đồng trước nhà. Ở đó có một đồn Tây và có cả trạm gác của du kích. Sáng sớm hôm sau có hai du kích mang súng vào nhà tôi. Một người hỏi:

– Ông Lãnh đâu?

Ba tôi nói:

– Thầy tôi đi Điện Tiến thăm em tôi.

Hai người đưa tờ giấy cho ba tôi, rồi ngang nhiên đi lục lọi khắp nhà. Tôi nhìn ba tôi, thấy vẻ mặt ông không tỏ ra lo sợ, mà hình như còn vui mừng.

Hai du kích ra về. Một lát sau anh Cúi cùng vài người nữa đến nhà. Vẻ mặt anh hăm hăm. Anh nhìn trước nhìn sau rồi nói lớn:

– Cái nhà này lớn thiệt đó nhưng không giấu được kẻ gian mô. Ông Lãnh ở mô, kêu ông ra đầu thú, may được khoan hồng.

Ba tôi nói:

– Thầy tôi làm cái chi mà anh nói gian.

– Tui không nói với ông. Ủy ban sẽ nói với ông.

Anh ta và mấy người đi theo ra về.

Chờ họ đi rồi ba tôi nói với mẹ tôi:

– Rứa là Thầy thoát được rồi.

Mẹ tôi nói:

– Tui chỉ ngại mấy tiếng súng.

– Đây là tiếng súng Tây. Du kích có dư đạn đầu mà bắn, dư cũng không dám bắn vì sợ Tây bắn lại.

– Nhưng Tây bắn cũng nguy...

– Tất cả đầu đạn đi đều bay lên trời. Tui lên lầu quan sát cả đêm. Vài ba bữa nữa là mình biết tin thầy từ Đà Nẵng.

– Cũng nhờ con Chanh.

– Nhờ thằng Cúi nữa. Nó đóng kịch cũng hay thiệt.

– Không biết mình trả ơn nó cách chi đây.

– Gả phứt con Chanh cho nó.

– Không gả cũng không xong. Con Chanh nói với em hết rồi. Tháng ni nó không thấy kinh. Một tuần rồi.

– Vậy sao!

Nhưng rồi chị Chanh không có thai như chị và cả nhà lo sợ. Tôi không hiểu vì sao mà tôi cũng không tiện hỏi.



Vài ngày sau đúng như lời ba tôi nói, ông tôi đang ở Đà Nẵng.

Thời kỳ đó tổ chức Việt Minh tại vùng tôi còn lỏng lẻo nên chuyện điều tra về việc ông tôi “mất tích” cũng chẳng ai làm đến nơi đến chốn. Có những cán bộ kinh tài Việt Minh xâm nhập Đà Nẵng gặp ông tôi, về làng thuật lại, cũng chẳng ai cho là chuyện “khó tin nhưng có thiệt”.

Gần Tết Canh Dần 1950 Việt Minh vùng tôi phát động “Chiến dịch triệt hạ nhà cửa”, giống như “Tiêu thổ kháng chiến” vì những kẻ phá nhà đến đọc lệnh trong đó có câu: “Đề nhà lớn Tây đóng đồn”. Sau này khi đã trưởng thành tôi thấy thôn làng tôi, chỗ mấy cái nhà bị phá không phải là nơi thuận tiện để đóng đồn. Đóng đồn chỗ đó chẳng khác nào để xe gắn máy không khóa trước chợ Bến Thành. Vậy thì vì lý do gì nhà ông nội tôi và nhà các ông “Chiếu trên” bị phá. Câu trả lời tôi nghĩ đúng nhất là Việt Minh muốn gợi lòng căm thù ghen ghét nơi “những thứ không ra gì”, nâng họ lên, để lợi dụng họ.

Ngày 24 Tháng Chạp, năm Canh Dần 1950, một đoàn người, phần nhiều là dân vùng khác, kéo đến nhà ông bà nội tôi. Người chỉ huy vào nhà hỏi lại lần thứ nhì chúng tôi đã dọn tất cả đồ đạc, áo quần, tư trang... xuống ngôi nhà nhỏ chưa, rồi đoàn người bắt đầu đập phá. Tôi ra ngoài đứng xem. Hàng xóm cũng đổ xô ra xem. Trong số này có thằng em họ cỡ tuổi tôi. Nó đứng bên tôi nói:

– Nhà tư bản.

Thằng em này là một trong những thằng bẻm mép, nhiều chuyện nhất. Tôi không hiểu sao nó nói vậy khi trước đó nó chơi thân với tôi, đến nhà ông tôi thường xuyên. Nó há hê hay nó tự an ủi: Chỉ nhà cao cửa rộng mới bị đập, còn nhà nó thì không.

Tôi không muốn đứng gần nó nữa. Tôi vào nhà, thấy bà nội tôi đang thút thít khóc, những người khác chỉ ngồi im lặng. Tôi nhìn ra ngoài, mờ cả mắt vì bụi xi-măng bay mù mịt. Ngói rơi rớt đầy sân. Gỗ gãy ra thành nhiều đoạn... Đoàn người đập phá đến chiều tối mới chỉ được nửa cái nhà. Qua ngày hôm sau chỉ còn cái nền nhà. Mấy ngày sau nhà cửa của các người “Chiếu trên” cũng cùng chung số phận.

\*\*\*\*\*

Mùa hè năm 1950 Tây bắt đầu càn quét ráo riết Việt Minh. Tây từ Đà Nẵng phối hợp với Tây ở các đồn bót trong vùng. Anh Cúi và các thuộc cấp của anh nấp trong các ruộng lúa hay trèo lên các cây cao để quan sát đường xe lửa cách đó 3, 4km. Anh Cúi có ống nhòm nên anh là người đầu tiên phát hiện ra Tây đang vượt qua đường xe lửa. Anh thổi còi tu-huyết. Cha anh nấp đâu đó ở phía sau đánh mả liên hồi.

Tất cả đàn ông thanh niên và phụ nữ trẻ trong làng đều chạy trốn, chỉ còn người già và con nít ở lại. Lần đầu tiên tôi nghe tiếng mả này, lúc đầu nhỏ sau lớn dần. Khi tiếng mả

chấm dứt là lúc tôi ướt hết cả quần vì nước tiểu. Sau tiếng mõ là mùi... Tây. Cái mùi hăng hắc, thơm thơm mà lúc đầu tôi tưởng chỉ Tây mới có. Thật ra đó là mùi thuốc súng. Tây đi càn quét gặp bất cứ cái gì nghi ngờ đều bắn. Mùi thuốc súng theo gió bay xa cả cây số. Một toán lính đủ loại người, da ngăm ngăm, trắng, đen, vàng mà hỏi đó tôi không biết là người gốc nước nào, lăm lăm súng chỉ vào mọi người. Lát sau có anh Tây trắng mang súng lục đi vào. Thấy không có ai đáng bắt, đáng bắn, toán Tây đi qua nhà khác.

Mấy tháng sau có một toán lính Tây từ đồn Dương Sơn gần đó đi càn quét. Những người chạy trốn không chạy trốn được vì có lính dù bao vây, nên đã trốn xuống hầm bí mật đào sẵn theo lệnh Ủy ban. Hầm bí mật là một cái hầm có nắp đậy. Nắp có chu vi vừa để một người chui qua lọt. Đó là một khung gỗ hình chữ nhật có đáy chứa đất trồng cỏ hay lá. Ba tôi đã chui kịp xuống hầm. Chị Chanh chui xuống không kịp, phải ở lại cùng đám bà già và con nít. Trong số này có những người hàng xóm qua ẩn náu nhờ, có lẽ vì họ nghĩ nhà tôi thân Pháp.

Toán lính đồn Dương Sơn tương đối hiền, không lăm lăm súng trên tay. Một anh Tây trắng cùng một người thông dịch Việt, vào nhà tôi nhờ nấu nước uống. Đây là anh quan 1 (tức Thiếu úy), Trưởng đồn. Anh ta nhìn đám đàn bà con nít rồi chỉ chị Chanh. Chị bình tĩnh bước ra đốt củi nấu nước. Anh Tây ngồi nơi ghế nhìn chị Chanh không chớp mắt, rồi bảo anh thông dịch nói gì đó với chị. Chị Chanh chỉ cười.

Một hôm ba tôi gọi mọi người vào phòng, thì thầm:

– Pháp càng lúc càng tiến, Việt Minh cũng không chịu thua. Ta ở giữa e chết hết. Tui định một là di cư vào vùng tự do như Tam Kỳ, Quảng Ngãi... hai là tìm đường ra Đà Nẵng với Thầy.

Mẹ tôi nói:

– Vào vùng tự do cũng khổ, thiếu thốn, lại sợ máy bay. Ra với Thầy thì ruộng nương mất hết, mà mô phải dễ.

Mọi người im lặng. Chị Chanh lên tiếng:

– Con có ý kiến. Nên ra với ông.

– Mi biết chi mà chỗ miệng vô.

Thím tôi la chị Chanh. Thím la chị ngay cả khi chị nói hay làm điều gì vừa ý thím.

Ba tôi nói:

– Tôi cũng có ý kiến nên ra Đà Nẵng. Nhưng không biết đi cách nào. Rủi bị bắt lại, Việt Minh không tha tui mô.

Một hôm Tây đồn Dương Sơn lại đi đến làng. Anh Tây lại nhờ nấu nước. Lần này anh Thiếu úy nói chuyện với chị Chanh qua anh thông dịch hơi lâu. Trước nói lớn, sau thì thầm.

3 ngày sau Tây đồn Dương Sơn lại tới. Lần này chúng chia súng vào tất cả mọi người, chia nhau lục lọi khắp nơi. Một lát sau có tiếng reo hò từ phía bụi tre. Một anh Tây đen xuất hiện nơi cửa, đang nắm cổ áo ba tôi lôi ông vào nhà. Tôi không tin ở mắt mình nữa. Có phải ba tôi đó không. Ông đã đi trốn rồi mà. Vài người lính đến chỗ ba tôi trói ông lại. Một số lính khác lừa cả gia đình tôi ra ngõ, dẫn giải về đồn Dương Sơn.

Chuyện bắt bớ trên đây chỉ là một kịch bản của chị và anh Trưởng đồn.

Sáng hôm sau chúng tôi được xe GMC chở xuống Đà Nẵng.

Chúng tôi đã sum họp với ông tôi. Chị Chanh ở lại đồn Dương Sơn với anh Tây quan 1. Dĩ nhiên chị không còn cặp kè với anh Cúi nữa. Thím tôi lại có cơ thóa mạ chị: Đồ điếm, mẹ Tây, lang chạ hết thằng này đến thằng nọ, lang chạ ngay từ ngoài Huế.

Tôi biết chắc không phải chị lang chạ như thím tôi nói. Tôi vẫn còn nhớ lại tiếng thút thít của chị sau đêm diễn kịch: ... “Chị chết mất em ơi. Anh Cúi...”

\*\*\*\*\*

Chị Chanh và anh quan 1 đã chết khi Việt Minh tấn công đồn Dương Sơn năm 1952. Anh Cúi cũng bỏ mạng trong trận này. Ông Bà Nội tôi mất vì tuổi già. Ba Mẹ tôi cũng đi về bên kia thế giới. Đến năm 1964 trong đại gia đình chúng tôi chỉ còn tôi và thím tôi ở trên đời, để tôi nghe thím tiếp tục thóa mạ người mà cả gia đình mang ơn.

Tôi ngạc nhiên tự hỏi ngoài việc thím đã giữ tiết hạnh sau khi chú tôi mất bằng cách không tái giá, thím đã làm được gì như chị Chanh, giúp đỡ được gì cho ai. Thêm nhiều năm qua đi, bà thím tôi nay cũng đã qua đời. Qua tuổi tri thiên mệnh, tôi hiểu ra việc phải giữ tiết hạnh.

*Tết này nữa là đúng 70 năm.*

**Bồ Tùng Ma**



---

*Nguồn: Internet eMail by CATHY chuyển*

*Đăng ngày Thứ Hai, January 16, 2023  
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*